Báo cáo tuần 3 (8/7-14/7): Tìm hiểu cài đặt và sử dụng DB Mysql, thao tác lệnh trên DB

1. Tìm hiểu về Mysql

Dữ liệu là những số liệu rời rạc mô tả về sự kiện, sự vật, hiện tượng được chọn lọc để lưu trữ với một mục đích nào đó. Ví dụ như "nguyễn văn a" là tên 1 sinh viên, "1-1-2002" là ngày sinh của ột người nào đó ... Trong một số ngữ cảnh hoặc trường hợp nào đó thì ta cần nhiều dữ liệu và có sự logic hơn. Ví dụ trong quản lí đào tạo sinh viên của một trường đại học nào đó, ta cần lưu trữ thông tin về khóa học, lớp học, sinh viên, giảng viên, học phần, kết quả học tập. Dữ liệu về sinh viên sẽ gồm có các dữ liệu như tên sinh viên, ngày sinh, thông tin về học tập như học lớp nào, điểm như thế nào,... Thông tin về giảng viên gồm có thông tin cá nhân giảng viên như tên, quê quán, số điện thoại,.. sau đó là lớp giảng dạy, lịch giảng dạy hay lương... Khi này, ta cần lưu trữ dữ liệu một cách đa dạng và liên kết với nhau => cơ sở dữ liệu ra đời. Cơ sở dữ liệu là một tập các dữ liệu biểu diễn một vài khía cạnh của thế giới thực, có liên hệ logic thống nhất và được thiết kế để phục vụ một mục đích nào đó.

	MÔNHỌC	TênMH	Мамн	SốTC	Khoa
		Khoa học máy tính	CS1310	4	CNTT
		Cấu trúc dữ liệu	CS3320	4	CNTT
		Toán rời rạc	MATH2410	3	TOÁN
		Cơ sở dữ liệu	CS3380	3	CNTT

SINHVIĒN	Tên	MSSV	Lớp	Khoa
	Trang	17	1	CNTT
	Ngọc	8	2	CNTT

HỌCPHẨN	MãHP	Мамн	HọcKỳ	Năm	GiáoViên
	85	MATH2410	1	2008	Anh
	92	CS1310	1	2007	Tiền
	112	MATH2410	2	2008	Anh
	119	CS1310	2	2007	Tiên

KÊTQUÁ	MSSV	MãHP	Điểm
	17	112	10
	17	119	7
	8	85	6
	8	92	9

ĐIỀUKIỆN	MãMH	MãMH_Trước
	CS3380	CS3320
	CS3380	MATH2410
	CS3320	CS1310

Ta có một số yêu cầu về cơ sở dữ liệu như lưu trữ như thế nào để dữ liệu cần thiết phải chính xác, trích xuất dữ liệu phải nhanh chóng và hiệu quả => hệ quản trị cơ sở dữ liệu ra đời. Hệ quản trị cơ sở dữ liệu là hệ thống phần mềm giúp tạo và duy trì cơ sở dữ liệu. Nó có nhiệm vụ như:

- Định nghĩa khai báo bộ khung dữ liệu cùng với các mô tả chi tiết về dữ liệu
- Xây dựng lưu trữ dữ liệu lên các phương tiện lưu trữ
- Xử lý truy vấn, cập nhật và phát sinh báo cáo
- Chia sẻ cho phép nhiều người dùng và ứng dụng truy cập đồng thời CSDL
- Bảo vệ đảm bảo dữ liệu được lưu trữ an toàn từ các sự cố, ngăn cản truy cập không được phép...

MySQL là hệ quản trị cơ sở dữ liệu tự do nguồn mở phổ biến nhất thế giới. Nó có ưu điểm như tốc độ cao, ổn định và dễ sử dụng, có tính khả chuyển, hoạt động trên nhiều hệ điều hành cung cấp một hệ thống lớn các hàm tiện ích rất mạnh. MySQL sử dụng ngôn ngữ truy vấn có cấu trúc SQL (Structured Query Language)

2. Cài đặt MySQL

Trong tuần này, em đã cài đặt và sử dụng Mysql Workbench để thực hành.

Ta vào trang https://dev.mysql.com/downloads/file/?id=529174 để tải mysql-installer-community về. Sau khi tải về, ta click vào file đó, điền một vài thông tin sau đó ấn OK là sẽ cài đặt thành công được mysql workbench.

3. Thao tác lệnh trên MySQL

Đầu tiên ta cần tạo một số bảng dữ liệu và điền dữ liệu vào trước tiên Ta có lệnh tạo bảng như sau:

CREATE TABLE sinhvien (

Id_thanhvien int AUTO_INCREMENT PRIMARY KEY,

maSV varchar(20) NOT NULL,

Ten varchar(255) NOT NULL,

NgaySinh date NOT NULL,

maKhoa varchar(10) NOT NULL,

hocPhiDaNop int,

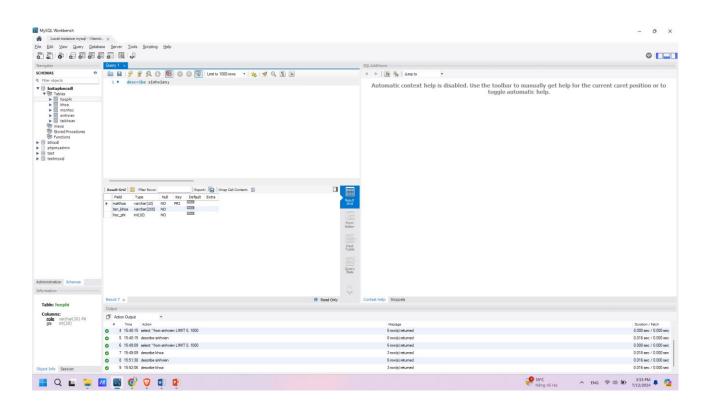
);

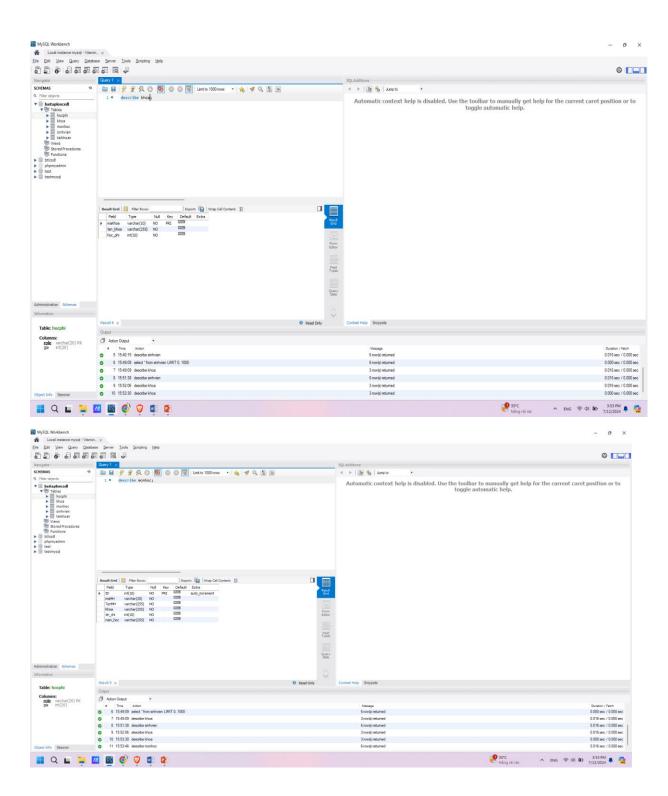
CREATE TABLE khoa (maKhoa varchar(10) PRIMARY KEY, ten_khoa varchar(255) NOT NULL, hoc_phi int NOT NULL,

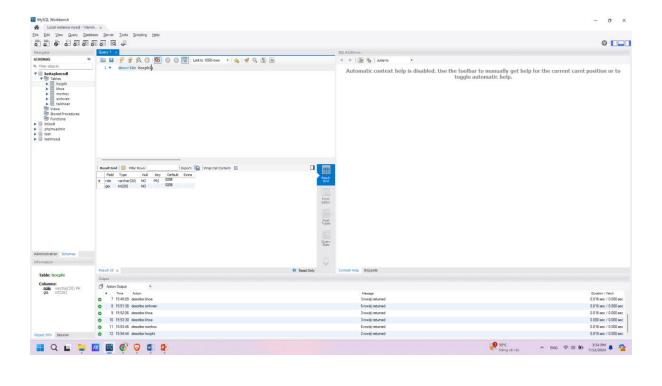
);

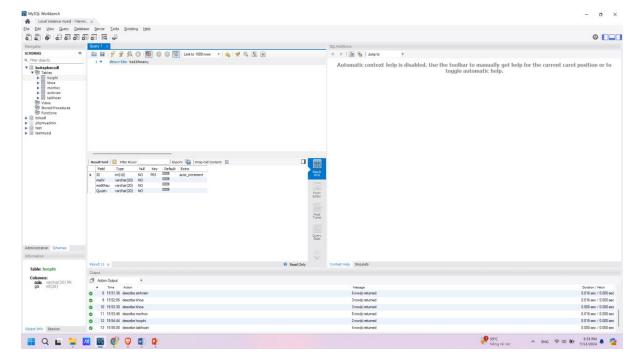
. . .

Tương tự như vậy ta được một số bảng như sau









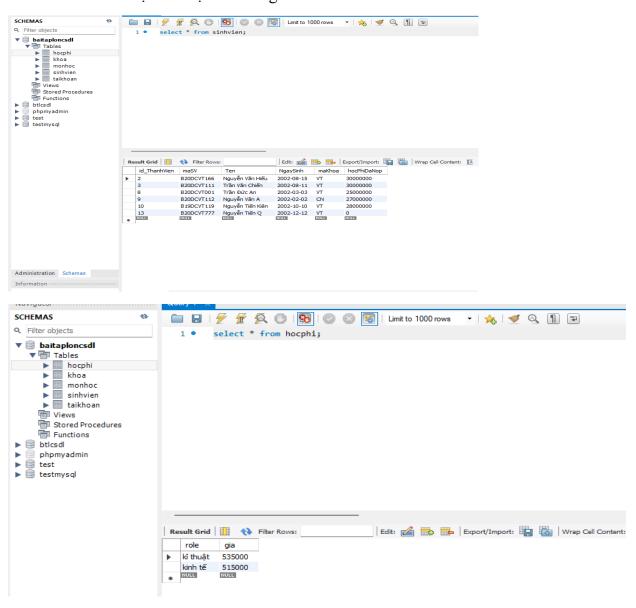
Sau đây, ta cần thêm dữ liệu vào các bảng với câu lệnh như sau:

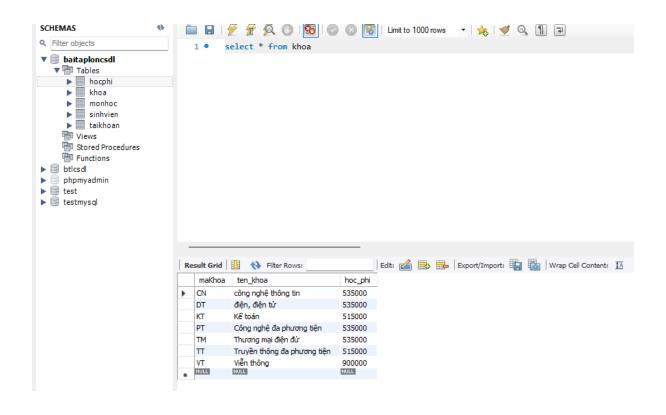
INSERT INTO sinhvien (maSV, Ten, NgaySinh, maKhoa, hocPhiDaNop) VALUES ('SV001', 'Nguyen Van A', '2000-01-01', 'K01', 5000000);

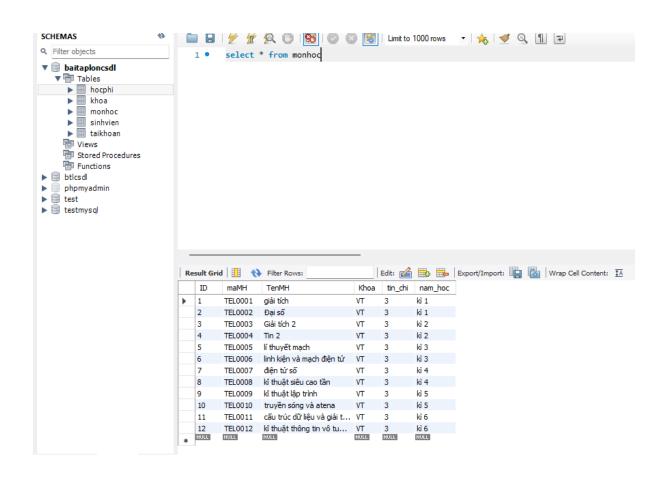
INSERT INTO monhoc (maMH, TenMH, Khoa, tin_chi, nam_hoc) VALUES ('TEL0001', 'giải tích', 'VT', 3,600000);

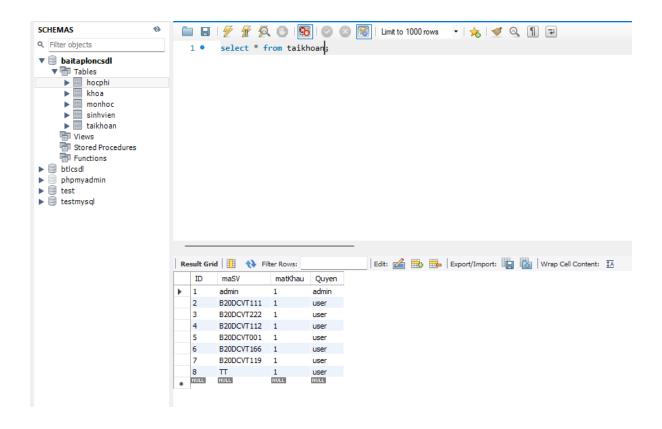
. . .

Sau khi insert dữ liệu ta được các bảng như sau:



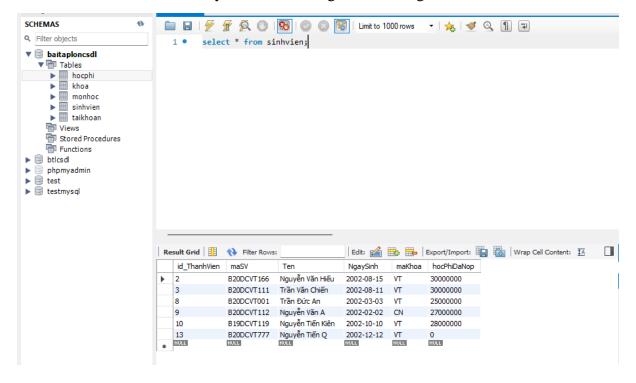




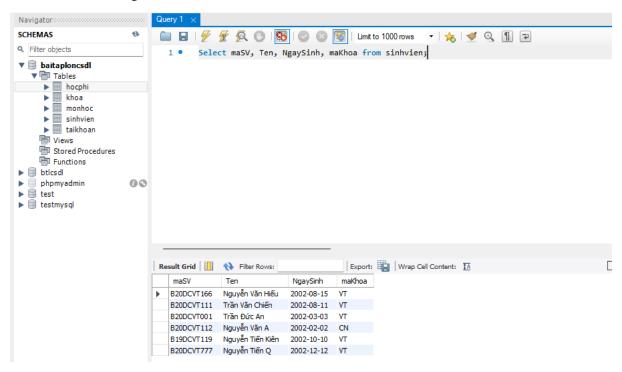


Thực hiện một số câu lệnh SQL tương tác với dữ liệu:

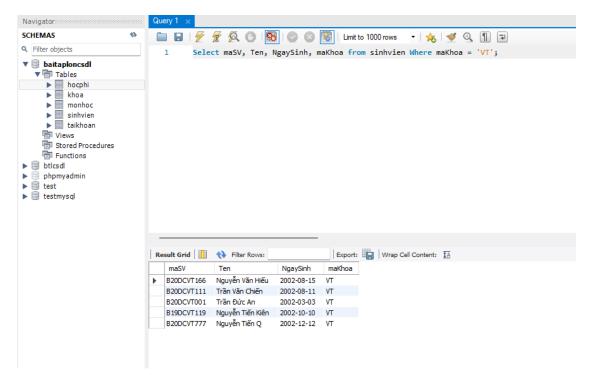
Select * from sinhvien : lấy tất cả các thông tin của bảng sinh viên



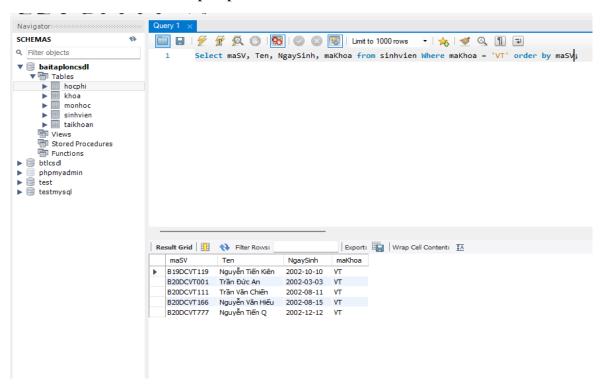
Select maSV, Ten, NgaySinh, maKhoa from sinhvien: lấy cột maSV, Ten, NgaySinh, maKhoa của bảng sinhvien



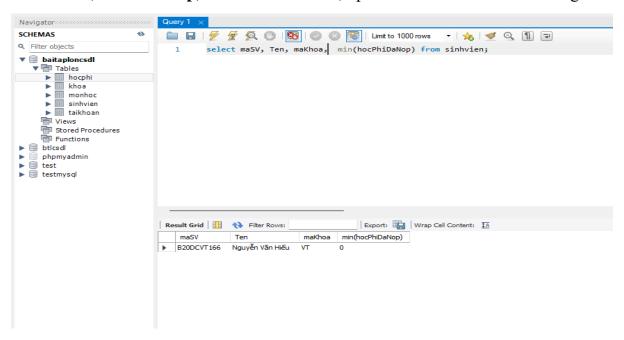
Select maSV, Ten, NgaySinh, maKhoa from sinhvien Where maKhoa = 'VT' : lấy các cột mã sinh viên, tên, ngày sinh và mã khoa của bảng sinh viên với điều kiện mã khoa = VT



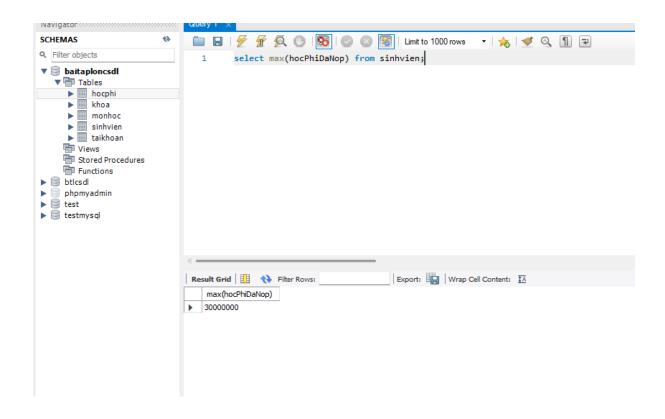
Select maSV, Ten, NgaySinh, maKhoa from sinhvien Where maKhoa = 'VT' order by maSV: lấy các cột mã sinh viên, tên, ngày sinh và mã khoa của bảng sinh viên với điều kiện mã khoa = VT sắp xếp theo cột maSV theo thứ tự từ điển



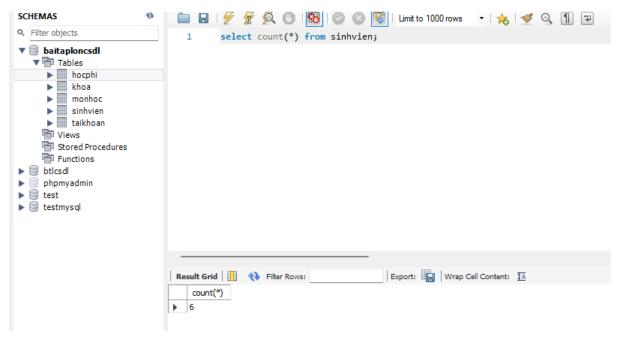
Select min(hocPhiDaNop) from sinhvien : học phí ít nhất mà sinh viên đã đóng



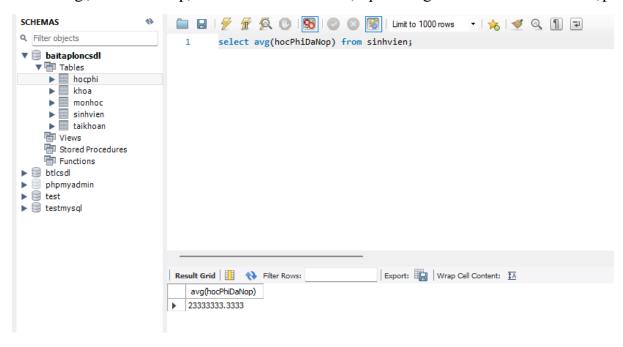
Select max(hocPhiDaNop) from sinhvien : học phí nhiều nhất mà sinh viên đã đóng



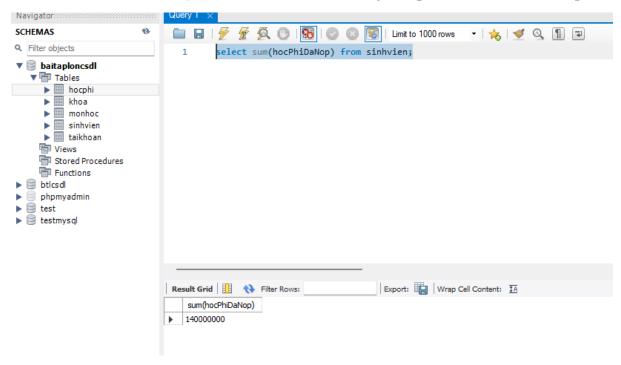
Select count(*) from sinhvien : đếm số bản ghi có trong bảng sinhvien



Select avg(hocPhiDaNop) from sinhvien : tính học phí trung bình mà sinh viên đã nộp



select sum(hocPhiDaNop) from sinhvien: tính tổng học phí mà sinh viên đã nộp

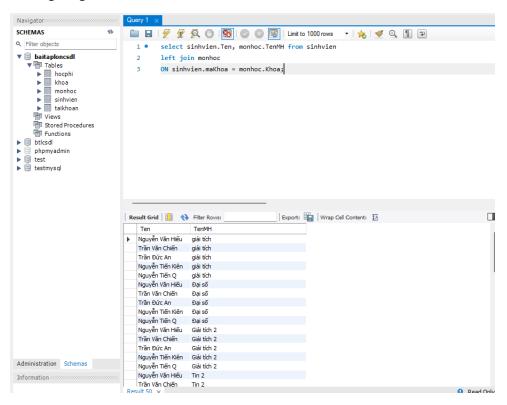


select sinhvien. Ten, monhoc. TenMH from sinhvien

left join monhoc

ON sinhvien.maKhoa = monhoc.Khoa;

Lấy tên sinh viên của bảng sinh viên và tên môn học trong bảng môn học sao cho mã khoa giống nhau



select makhoa, count(*) from sinhvien group by maKhoa;

đến số lượng sinh viên từng khoa trong bảng sinh viên

